

CHƯƠNG II

TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Đình Thần Nông làng Phong Lệ

Làng Phong Lệ có một ngôi đền cổ kính. Tục lệ tại đây thường nói “Lính có đồn, dân có đình”. Đình làng là nơi thờ phụng, yếu tố biểu hiện đời sống tâm linh tinh thần của nhân dân. Cuối thời Minh Mạng, đình Thần nông được xây dựng bằng tre, gỗ gọi là đình Thần Nông. Vị trí ngôi đình nằm về phía tây làng Phong Lệ, toạ hướng tây - nam, trước đình có cây đa to, phong cảnh trang nghiêm, linh ứng. Năm 1933, thực dân Pháp xây dựng đường sắt xuyên Việt chạy ngang qua tiền đình. Theo quan niệm dân gian, đây được xem là điều tối kỵ không tốt cho cuộc sống và phát triển của nhân dân trong làng, do đó đến năm Bảo Đại thứ IX, nhân dân làng Phong Lệ họp các chư phái tộc bàn nhau di dời ngôi đình đến một nơi khác, quang đặng hơn mong rằng khí sẽ vượng hơn. Vườn Lãng được chọn xây dựng ngôi đình, đây là xứ đất Hoan Thanh nằm về phía đông làng Phong Lệ. Ngôi đình toạ lạc trên một khu đất cao ráo, nằm giữa cánh đồng đất đai màu mỡ, hoa màu tốt tươi mà theo thuật phong thủy thì đó là nơi địa lý tiềm long, cảnh thủy phương hướng thịnh đạt, nhìn thẳng ra Đông Hải, án ngự tiền đình có Ngũ Hành Sơn, mưu cầu an dân, lạc nghiệp. Ngôi đình Thần nông tại vườn Lãng qua bao thăng trầm thời cuộc, mưa nắng dãi dầu vẫn tồn tại đến ngày nay.

Cấu trúc của đình có 3 bộ phận gắn liền nhau từ ngoài vào trong là nhà tiền đường có gác chiêng, trống hai bên; nhà chính 5 gian và trong cùng là tẩm. Mái đình lợp ngói âm dương. Trên nóc đình, tẩm và các góc đuôi mái đều có đắp tượng long, lân, đặc biệt biểu tượng chiếc sừng trâu vút lên cao, một kiến trúc hiếm thấy ở các đình thờ ở Việt Nam. Cột kèo, xà đình được chạm trổ tinh vi, công phu. Trên tường có đắp các bức phù điêu. Ngay căn chính đình có gắn bức hoành phi đề 3 chữ lớn “*Phong Lệ Đình*” bằng chữ Hán được sơn son thếp vàng rực rỡ. Ngay trên cửa thông từ gian chính qua tẩm có đắp nổi trên nền cuốn thư 3 Hán tự lớn là “*Anh Khí Chung*”. Trên 6 hàng cột trong đình đều treo các câu liên đối được làm bằng gỗ mun, khắc Hán tự, thếp nhũ vàng. Đó là những câu liên đối của danh nhân Phan Bội Châu, Cao Bá Quát khi đến viếng đình viết tặng, được các tộc họ ở đây trân trọng lưu giữ. Như các câu sau đây:

-Cổ đạo bất tang thương hương liệt bi tôn tam lão sử;

Chánh khí vi hà nhạc địa linh bản yết Ngũ Hành Sơn.¹

-Đảng đảng thánh văn khôi Việt địa, trung hưng lễ nhạc;

Nguy nguy thân võ chấn Nam thiên thượng đẳng anh linh.²

Nhìn vào nội tẩm có thờ chữ “*Thần*”, hai bên có hai câu liên:

Thần linh bảo hộ nhân dân thịnh;

¹ Tương truyền là của cụ Phan Bội Châu. Dịch: Đạo đức cổ truyền không bị mai một, hương thôn còn ghi lại công của ba vị (già làng); Khí vượng chánh trực, vùng đất địa linh Ngũ Hành Sơn tạo nên (non sông).

² Tương truyền là của cụ Cao Bá Quát. Dịch: Lễ nhạc hưng thịnh văn đức thánh nhân truyền đất Việt; Anh hùng hào kiệt hiển hiện cao đầy, sức mạnh dậy trời Nam.

*Thánh hiển phò trì bá tánh hưng.*³

Và nhiều câu liên khác vẫn được cẩn dĩ sơn son thiếp vàng và còn nguyên giá trị lưu dấu đến ngày nay.

Trong hai cuộc kháng chiến cứu nước, các thế hệ nhân dân làng Phong Lệ luôn phát huy truyền thống yêu nước, tiếp bước cha anh, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, thanh niên trai tráng lên đường bảo vệ quê hương.

Các câu liên đối là biểu hiện tinh thần ngưỡng vọng công đức tiền nhân được nhân dân làng Phong Lệ xưa và nay, luôn trân trọng giữ gìn làm phong phú đời sống tinh thần của cộng đồng, các chư phái tộc trong làng. Đặc biệt “Thần Nông đình” làng Phong Lệ là thiết chế văn hoá mang màu sắc tâm linh trong quan niệm đa thần và thờ thần của người Việt nói chung và nhân dân làng Phong Lệ nói riêng nhằm tạo biểu tượng kính vọng, thờ tự mong được sự giúp đỡ của Thần nông cho vô thuận phong điều, nông tang phát triển. Đình là nơi theo tập tục đương thời là địa điểm đảo võ, cầu mưa thuận gió hoà, lúa màu tươi tốt, các vụ mùa được bội thu, trăm họ bớt đi đói nghèo, cơ cực. Đình là nơi để hằng năm tộc họ, bà con trong làng gặp gỡ trao đổi với nhau về dân sinh, dân khí.

Sau mỗi lần di dời ngôi đình đến nơi khác là việc thiêng, việc hệ trọng, nhân dân làng Phong Lệ đều có kiến dựng phẩm vật, tế lễ vị thần linh được thờ tự

³ Dịch: Thần linh (thiên) giúp cho nhân dân thịnh đạt; Thánh hiển (linh) phù hộ (cho) trăm họ hưng thịnh.



Mái Đình
Thần Nông
làng Phong Lệ
(chiếc sừng
trâu là đặc
điểm)

trong
đình. Một bài
“Tái tạo đình
sở lạc thành
chi văn” ghi
lại:

“ Càn khôn dục tú, hải nhạc chung linh
Chỉ trung chí chánh nhi tuý nhi trinh thị thiên hạ dĩ,
Chuẩn thẳng phương viên bình trực hiệp bách vương chi
quy phạm

Chánh đại quang minh an nhơn lợi vật, trứ phong công
thiên thu tự,

... Khai trùng tuyệt chi đơn thanh cách cố,
Vật nhi thẳng tân quy giao long hoán thái bí văn công nhi
quang thuy thượng

Lân phụng khoe hình võ môn bằng tam cấp chi cao...
Nhật nguyệt hân khai vũ chi cáo thành cung trần phi lễ
kiền tón⁴ phương linh thượng kỳ...

⁴ Kiền tón: theo bát quái là hướng đông nam.

Hoặc kỳ tế thu, dân làng Phong Lệ có bài văn: “Kỳ phước chánh tế văn”:

“...Mặc tướng linh tư u thánh trạch tử dân hộ quốc âm phò đồng phụ u thần minh. Tư hơn kỳ phước dụng tôn phi thanh binh thượng kỳ giám cách tích dĩ thuận trình bách phước biên trãng, hộ xã...”

Hệ thống các thần được thờ tại đình, miếu có nhiên thần và nhân thần. Thể hiện trong văn bài nhiên thần có ghi thần *Đại Càn quốc gia Nam hải tứ vị Thánh Nương vương* và các vị nhiên thần khác. Tứ vị Thánh Nương có thần tích⁵ được thờ phượng trong đình, mục đích là để được thần bảo hộ “*hộ quốc tử dân*”, cầu được an bình. Tứ vị Thánh Nương là bốn vị thần phù hộ người dân các làng từ miền Trung du đến miền duyên hải đều có thờ. Các làng duyên hải Nam An (Nam Thọ) đến làng Trung du Túy Loan, các làng xã vùng đồng bằng Phong Lệ, Bình Thới, Đông Phước, Cẩm Lệ đều có thờ vị Đại càn quốc gia Nam hải này. Sắc! Đại Càn là mỹ tự được vua nhà Nguyễn phong tặng là *Đại Càn quốc gia Nam hải tứ vị Thánh Nương hộ quốc tử dân*. Năm Minh Mạng thứ VII, ngày mười một tháng 9 âm lịch gia tặng *Hàm Hoằng Quảng đại chí đức Thượng đẳng thần* tặng ghi trong tờ sắc *xã Nam An, huyện Diên Phước y cựu phụng sự*⁶. Ngoài thần Đại Càn là nhiên

⁵ Xem *Ô châu cận lục*, Dương Văn An, Bùi Lương dịch, Sài Gòn 1961.

⁶ Nguồn gốc có hai truyền thuyết: 1/ Thần từ Trung Hoa, tứ vị Thành Nương là Tổng Thái hậu mang họ Dương cùng 3 công chúa. Vào năm 1279, quân Mông Cổ đánh Nam Tống đến Nhai Sơn thuộc tỉnh Quảng Đông, cùng đường vị Thừa tướng công vua Nam Tống là Thiếu Đế nhảy xuống biển tự tử, bốn vị nữ cũng nhảy theo. Bốn xác trôi cập vào cửa Càn (nay là xã Phương Càn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, nhân dân chôn cất và lập miếu thờ. Về sau nhà Tống sang giúp Đại Việt ta đánh quân Mông Nguyên. Vua nhà Trần nằm mộng thấy thần bảo phải tặng phong tứ vị nương

thần có ghi trong văn bài tế đình vào dịp Xuân kỳ, Thu phước, trong văn tế *Mộ binh hoàn tế đình văn* còn có thần *Văn trung chính nghị*, là nhân thần thời Lê Thánh Tông, tên Nguyễn Phục, đỗ Tấn (Tiến) sĩ, kỹ mùi khoa (năm 1453)⁷. Nguyễn Phục được tôn vinh thành thần và được nhân dân lập miếu thờ tự từ cửa biển Tư Hiền vào đến cửa biển Đà Nẵng. Ông được nhà Lê tin dùng ba lần cử đi sứ Trung Hoa do tài chính trị. Khi vua Lê Thánh Tông kéo quân vào Nam đánh Chiêm Thành, ông được cử giữ chức Phi vận tướng quân, trông coi lương thực, hậu cần. Đoàn thuyền lương của ông đi sau, khi vào đến cửa Tư Dung bị bão thổi mạnh. Để bảo toàn lương thực cho quân ăn, ông bảo thà mình ta chịu phạt, chớ không nỡ để sinh mệnh quân sĩ và lương thực chìn trong biển. Ông ra lệnh neo thuyền lại, chờ bão tan mới cho thuyền lương tiếp tục hành trình. Vào đến cửa bể Đà Nẵng thì trễ mất ba ngày. Quân đói!

là Thánh. Nhà vua nghe theo sắc phong là: Đại Càn Thánh Nương vương. 2/ Theo Ô châu cận lục cho rằng tứ vị nương là gốc người Việt ta, Đại Càn Thánh Nương là Vương hậu vua Hùng Vương thứ 13 cùng 3 người con gái. Khi Vương hậu có thai sinh được con trai, bị bà thứ phi thuê người cắt bộ sinh dục đứa bé. Khi vua phát hiện con bị dị tật bèn nghi ngờ đây Vương hậu cùng người hầu ra ngoài đảo. Thuyền Vương hậu đi qua cửa Cờn (Cửa Càn) thuộc Nghệ An thì gặp nạn, thuyền chìm, trôi dạt vào bờ. Nhân dân Cửa Càn chôn cất. Tứ vị nương hiển linh thường giúp đỡ dân chúng, dần dần dân chúng tôn thành Phúc thần thờ tại Đền Cờn tại Nghệ An. Nguyên văn sắc phong được sao chép trong văn bài cúng đình xã Nam An (Nam Thọ), ghi được qua công tác điền dã như sau: “*Sắc! Đại Càn quốc gia Nam hải, tứ vị Thánh Nương, hộ quốc tử dân, hiển hữu công đức kính hữu xã dân phụng sự. Phụng ngã Thế tổ Cao Hoàng đế (tức vua Gia Long – VVH) thống nhất hải võ khánh bị thân dân. Tứ quang kim thiệu hồng đồ, miến niệm thần hưu, nghi long hiển hiện khả, gia tặng Hàm hoàng quảng đại chí đức Thượng đẳng thân, nhưng chuẩn hứa Diên Phước huyện, Nam An xã y cựu phụng sự. Thân kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai!*”. *Minh Mạng thất niên, cứu nguyệt, thập nhất nhật*”.

⁷ Đúng là thi đỗ tiến sĩ khoa quý Dậu năm 1453 dưới triều vua Lê Nhân Tông, niên hiệu Đại Hòa.

Vua Lê cả giận lại thêm bọn nịnh thần xiêm tấu không hay, nhà vua sai chém đầu để làm gương. Sau khi ông chết thường hiển linh giúp đỡ nhân dân, được nhân dân thờ phụng. Khi Lê Thánh Tông chiến thắng trở về, biết được đã chém oan Nguyễn Phục là một trung thần, ông được giải oan, phúc chức phẩm hàm. Đến đời Lê Hiến Tông (1498 – 1501) ông được phong tặng *Văn Trung chánh nghị chi Thần*. Nhân dân từ cửa biển Tư Hiền vào đến cửa biển Đà Nẵng lập miếu thờ ông. Tại làng Phong Lệ, lập miếu thờ tục gọi Miếu Một (nay thuộc khu dân cư Lỗ Giáng, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ) ⁸. Nguyễn Phục được nhân dân làng Lỗ Giáng tôn là Thành hoàng bảo an chính trực của làng. Trong văn bài cúng đình có ghi là: *Thành hoàng Kỳ vị* ⁹ *khoa tán sĩ, Tùng Giang phi vận tướng quân chi thần*.

Phong Lệ là đất giàu truyền thống yêu nước và hiếu học nằm trong chiếc nôi “Địa linh nhân kiệt” của xứ Quảng, nên có nhiều bậc hiền tài, sĩ phu, nho sĩ ra ứng thí đỗ đạt cử nhân, tú tài hoặc sung vào quan tướng qua nhiều thời kỳ triều nhà Nguyễn. Sử sách đã ghi lại và đã được nhân dân truyền tụng, ca ngợi công đức của các vị như Ông Ích Khiêm làm đến chức Tiểu phủ sứ, tước hiệu *Kiên dũng nam* nên thường gọi là “Ông Tiểu Phong Lệ” bị giặc bức tử; đặc biệt là Ông Ích Đường khi bước lên đoạn đầu đài của bọn giặc, ông ngược mắt nhìn làng quê lần cuối cùng, rồi quắc mắt nhìn đám giặc tay sai, đồng

⁸ Trong dân gian vùng ngã ba sông: Cỏ Cò, sông Hàn, Cẩm Lệ có câu ca rằng: *Chim kêu Miếu Một gà gáy Giếng Đồi/ Nhứt thốn tâm hà khắc vô do/ Ra về vừa tới bến đò/Buông khuâng trở lại, nhớ câu hò nữ nhi/ Chú đò ơi bớt ngủ một tí tí ti/ Tổng nơn lưu phước đưa tui đi về nhà/ Sông dài thuyền ốc chèo ra...*

⁹ Tức Kỳ mùi.

dạ nói: “*Dân nước Nam như cỏ cú, giết Đường này còn đường khác. Bao giờ hết mía mới hết đường*”, nêu cao tấm gương dũng khí sáng ngời. Còn như trường hợp chiến sĩ cách mạng Lê Kim Lăng, năm 1962, ông bị giặc bắt tra tấn, ông thà chết không khai báo và tự tay mổ bụng phơi bày trước công luận, làm cho bọn địch phải khiếp sợ trước ý chí kiên cường như thép của ông. Và còn hàng trăm anh hùng, liệt sĩ khác của làng Phong Lệ được ghi vào sử sách.

Về tâm linh, tín ngưỡng dân gian, các quan chức đi công cán ra trận, hoặc thi đỗ đạt, hoặc đi mộ lính phương xa trước hết phải đến đình cáo lạy, hoặc sắm kiệu rước về đình trình chấp. Đến kỳ đáo hạn lại về làng có lễ tạ, tế thần như trường hợp hai thanh niên bị Pháp bắt đi lính, ngày trở về có bài *Mộ binh hoàn tế đình* văn, sắm lễ vật tế một diên tại đình. Mọi việc án tích dân sự trong làng cũng phải đem ra xét xử, phân giải trước đình.

Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, đình Thần nông làng Phong Lệ là “cứ địa” có ý nghĩa lịch sử trong bảo vệ đất nước. Chung quanh làng Phong Lệ có thể nhìn thấy sự kèm kẹp của địch: phía đông có đồn Quá Giáng, phía Tây có đồn Cẩm Bình, phía Nam có đồn Dương Sơn, phía đông – bắc có đồn Cồn Dầu. Những năm 1943 – 1944 trước khởi nghĩa, đình Thần Nông làng là trung tâm truyền bá chữ Quốc ngữ của tổng Thanh An. Trong khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945, đình Thần Nông là nơi các cán bộ cốt cán, cùng nhân dân hội họp bàn việc tổ chức xuất quân đi cướp chính quyền, biểu tình hô hào cách mạng thành công, thành lập chính quyền nhân dân, làm thịt heo, gà đãi dân mừng chiến thắng. Nơi này lúc bấy giờ gọi là tổng Đội Cung thay vì tổng Thanh An cai

quản một vùng rộng lớn: Quá Giáng, Tân Hạnh, Nhơn Thọ, Quan Châu, Miếu Bông đặt tên xã Thanh Phong, mở toà án cải tử hoàn sinh, cải tà quy chánh cho những người lầm đường lạc lối.

Tháng 10 năm 1946 tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp nổ ra, đình Thần Nông là hậu cần của Tiểu đoàn 17, bộ đôi chủ lực địa phương giữ vững phong tuyến phía nam được một thời gia, ngăn chặn bước tiến quân của Pháp sâu vào vùng tự do của ta. Chiến tranh chống Pháp, đình là một điểm chốt, liên lạc khu Đông với khu Tây. Chiến tranh chống giặc Mỹ ác liệt, ngôi đình Thần Nông biến dạng thành nơi tu hành, khoa chuông gõ mõ, trong đình tụng kinh, trên mái xối che giấu cán bộ, ngoài đình luôn có người đi lễ dâng hương niệm Phật. Nơi đây còn là địa điểm bộ đội biệt động thành từng dừng chân, giao liên trao, nhận công văn, tin tức của cách mạng.

Một thời, đình còn là nơi làm trường học để dạy con em trong làng và có lúc là nơi dân làng nấu ăn khi có những biến cố xảy ra. Sau 1975, hoà bình lập lại đình Thần Nông làng Phong Lệ được cơ quan quân quản đóng trụ sở làm việc, cơ quan của Uỷ ban nhân dân xã Hoà Châu, và các ban, ngành đều làm việc tại đình. Đặc biệt có lần cụ Võ Chí Công, Bí thư Khu uỷ Khu V đã đến thăm đình và khen ngợi di tích lịch sử - văn hoá cổ kính, quý giá, nên bảo tồn và phát huy truyền thống trong nhân dân.

Những giá trị có ý nghĩa lịch sử - văn hoá của đình Thần Nông làng Phong Lệ gắn liền với đời sống tinh thần của mọi người dân làng Phong Lệ. Ngày 10 tháng 9 năm 2001, theo quyết định số 5339/QĐ-UB Quyết định của Uỷ ban nhân dân

thành phố Đà Nẵng đã gắn biển công nhận di tích Đình Thần Nông làng Phong Lệ, huyện Hoà Vang là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp thành phố, giao cho ngành văn hoá và nhân dân trong làng giữ gìn, tôn tạo và tiếp tục phát huy những mặt tích cực, phục vụ sinh hoạt, tế lễ, vui chơi cho các tầng lớp nhân dân trong làng.

Đây là niềm vui của 17 chư phái tộc làng Phong Lệ, xã Hoà Châu trên địa bàn Hoà Vang thành phố Đà Nẵng, “Phong Lệ đình” ngày xưa, đã trở thành biểu tượng sùng kính của người dân. Ngày nay được Nhà nước ghi nhận là ngôi đình không chỉ về hình dáng, phong cách nghệ thuật mà trong lòng nó còn là bản sắc văn hoá đặc thù của địa phương, một nét riêng trong hồn cốt văn hoá dân tộc Việt.

Đình Thần Nông làng Phong Lệ (VVH)



2. Nhà thờ chur phái tộc

Nhà thờ tiền hiền chur phái tộc tọa lạc trên một khu đất có tên là Đà Ly xã, bao gồm các xứ Nội Đồng, Kỳ La, La Hường có từ thời nhà Hồ năm 1404. Trong văn bài tế tại nhà thờ có ghi vùng đất rộng lớn, bao gồm “Nam giáp Trà Kiệu, Bắc giáp Hải Vân, Tây giáp Núi Chúa, Đông giáp Ngũ Hành Sơn”. Về sau do phù hợp với địa lý - hành chánh, làng Phong Lệ được chia làm hai làng dọc theo sông Yên – tức là sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ, huyện Hoà Vang. “Tả ngạn là làng Phong Bắc thuộc tổng Bình Thái, huyện Hoà Vang; hữu ngạn là Phong Nam thuộc tổng Thanh An, phủ Điện Bàn”.

Làng Phong Lệ Bắc ngày xưa còn gọi là Xóm Rừng, bao gồm các thôn Phong Bắc 1,2,3 xã Hòa Thọ, nay là phường Hòa Thọ Đông, Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ. *(Ảnh: Nhà thờ Chur phái tộc)*



Làng Phong Lệ Nam còn gọi là Nam Thạnh hay còn gọi là Xóm Làng có 4 xóm: Tây An, Đông Hòa, Bàu Cầu thuộc xã Hòa Châu và một thôn ở phía tây sát núi là thôn Phong Lệ Tây, nay địa danh được đổi thành thôn Cây Sung, Hội Vực thuộc xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang.

Việc chia tách làng Bắc, Nam trên lĩnh vực hành chính, mọi sinh hoạt cộng thờ cúng tế lễ và nam công dân đến tuổi lao động đều được nhận ruộng công tại làng Phong Nam. Các thiết chế văn hóa gồm đình, chùa, miếu, võ Nhà thờ Tiên hiền (Thái miếu) đều được xây dựng tại Phong Nam. Đặc biệt năm 2001, đình Thần Nông làng Phong Lệ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ra Quyết định công nhận là di tích lịch sử cấp thành phố.

Năm 1945, Nhà thờ làng là nơi chính quyền mới hội họp, quyết định thành lập khu hành chính Bùi Thương, thuộc tổng Cung và thành lập xã Thanh Phong gồm các thôn: Phong Nam, Quan Châu, Miếu Bông, Cẩm Nam, Giáng Đông, tổ chức xây dựng các đoàn thể; đồng thời là nơi đầu tiên tổ chức tiễn đưa thanh niên lên đường nhập ngũ Vệ quốc quân cứu nước.

Xác định thời gian xây dựng nhà thờ tiên hiền dựa trên cơ sở các bài vị hậu hiền của các tộc được khắc vào tháng 6 năm Nhâm ngọc (1582) thì nhà thờ tiên hiền làng có thể được xây dựng trước 1404 ít lâu tại một địa điểm phía Tây, đầu làng Phong Lệ.

Đến những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, do Pháp mở đường xe lửa xuyên Việt, nhà thờ vì cần nên phải di dời vào sâu trong làng nhưng không xa nơi cũ bao nhiêu. Từ trung

tâm làng, nhà thờ tiền hiền làng vẫn nằm về phía Tây của làng Phong Nam như hiện nay.

Nhà thờ là nơi thờ tự Tam vị tiền hiền là *Nhâm quý công*, chức tước Kinh lược phó sứ; *Mười quý công*, chức Xã trưởng; *Lào quý công* chức Tri châu trông coi việc trong xã. Ba vị tiền hiền đều không ghi họ. Bài vị ba vị được thờ tại gian giữa, hai gian tả, hữu thờ 13 vị hậu hiền của quý tộc gồm:

- Tứ Lê: *Lê Văn, Lê Đức, Lê Kim, Lê Cảnh*

- Ngũ Ngô: *Ngô Văn 1, Ngô Văn 2, Ngô Văn 3, Ngô Tấn, Ngô Tất.*

- Tộc: *Phùng, Ông, Nguyễn, Võ.*

Về sau phát triển thêm 4 họ nữa là 2 họ *Trần, họ Phan* và *họ Bùi.*

Ngoài ba vị tiền hiền như thời kỳ đầu, sau có thêm đại diện các họ tộc tham gia vào việc hành chánh làng, ổn định mọi mặt dân sinh của làng, có: “*Đội trưởng Ngô quý công văn nhuận; Cai tri Lê quý công đức tôn; Cai trại Phùng quý công văn vân; Cai đội Nguyễn quý công văn cảm; Huyện thư ký Ngô quý công văn toả; Huấn đạo Phùng quý công.*

Những tộc họ đến sau tuy chưa có bài vị trong nhà thờ nhưng đều có nêu tên trong các bài văn tế cúng xuân thu nhị kỳ và chạp mả thường niên. Cho đến nay, nhà thờ làng Phong Lệ không những chỉ có 17 chi phái tộc mà đã lên đến 30 tộc. Qua nghiên cứu khảo sát tất cả các tộc đều có mối quan hệ tình cảm mật thiết lẫn nhau và đã qua nhiều đời nay cùng đoàn kết trong cộng đồng, gia đình, xã hội. Tất cả đều gắn với nhau như trong một gia đình xứ Lệ.

Nhà thờ chur phái tộc làng Phong Lệ được trùng tu thiết kế nhiều lần, lần cuối cùng được di dời và xây dựng vào năm 1897, trên khuôn viên diện tích 3000 m², trong đó diện tích nhà thờ, nhà hội là 500 m² và được xây dựng vào năm 1897. Theo bản khắc gỗ chữ Hán khắc trên cây trính “*Thành Thái cửu niên, tuế thứ Đinh Dậu quý xuân nhị thập tứ nhật dân thời thượng lương; thập tam phái tộc đồng kiến tạo*” (Thành Thái năm thứ chín, mùa xuân năm Đinh Dậu ngày hai mươi bốn, giờ dân thượng lương). Trong Nhà thờ còn có một câu liễn chữ Hán lập vào mùa thu năm 1934, năm “*Bảo Đại cửu niên cúc nguyệt*” các chur phái tộc thêm một câu liễn chữ Hán vào nhà thờ:

“Vài trăm năm ơn lớn chở che, cây củ hoa nay bốn phương nhìn ra quang cảnh mới;

Mười ba tộc quây quần êm ấm, nông trang sĩ khí, nghìn thu ngấm lại nghĩa tình xưa”.

Suy ngẫm câu chữ Hán xưa,, quan sát đường nét kiến trúc cổ, có thể nhận ra nơi đây còn lưu dấu biết bao truyền thống văn hóa của một vùng đất. Nhà thờ là một kiến trúc cổ có cả tiền đường, bên trong nhà thờ có 30 cây cột xếp thành 6 hàng, chia nhà thờ ra thành 5 gian. Mái lợp ngói âm dương. Ngoại thất có: long, lân, quy, phụng, mặt nguyệt, trúc, liễu, tùng, mai. Nội thất là những hoa văn, hoạ tiết rực rỡ sắc màu. Nay tuy đã ngã màu thời gian nhưng vẫn còn ánh lên đường nét tài hoa của những người thợ ngày nào.

Trong kháng chiến chống Pháp, năm 1952 quân Pháp đã bóc dỡ tiền đường lấy gạch đá lót đường cho xe chạy. Trong khuôn viên nhà thờ có Dinh Ông là nơi kính ngưỡng nghĩa khí

của làng cũng bị quân xâm lược triệt hạ. Thời ấy, nếu dân làng Phong Lệ không đứng lên phản đối thì có lẽ nhà thờ cũng không còn lưu dấu đến ngày nay.

Nhà Hội nằm sát bên tả nhà thờ chính là nơi hội họp của làng và cũng là nơi mở lớp Bình dân học vụ đầu tiên vào tháng 6 năm 1946 cho bà con tổng Thanh An đi học. Về sau, năm 1997 Nhà hội bị xuống cấp trầm trọng, mái ngói âm dương bị hư hỏng, dân làng cùng nhau sửa chữa, thay ngói mới, giữ nguyên cấu kiện bên trong theo nguyên trạng. Trên các cây đòn tay còn lưu lại các câu khẩu hiệu cổ động nhân dân tham gia Bình dân học vụ: “*Học là bửu vật của quốc gia*”, “*Viên đá móng của nước nhà là học*”, “*Có công mài sắt có ngày nên kim*”. Các ông Võ Hoàng Hoanh, Lê Văn Tường phụ trách việc giảng dạy, đồng thời cũng là những thành viên hoạt động tích cực trong phong trào cách mạng hồi đó. Hưởng ứng phong trào cách mạng nổ ra ở tổng An Phước vào ngày 16 tháng 8 năm 1945 nhà thờ làng Phong Lệ là nơi tổ chức mittinh xuống đường tham gia cướp chính quyền về tay Việt Minh, đặt dấu chấm hết của chế độ phong kiến ở Phong Lệ.

Tổng tuyên cử Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đầu tiên, ngày 6 tháng 1 năm 1946 làng được vinh dự có ông Ngô Tất Bồn ra ứng cử. Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà hội tiếp tục là nơi dạy học cho con em trong làng và không ít người đã lưu danh sĩ khí khắp vùng. Bên cạnh việc canh nông ngày một thịnh vượng cùng nhau tiếp nối truyền thống văn hóa của làng như tinh thần câu liễn xưa đã nêu. Nhà thờ làng Phong Lệ tuy không còn nguyên vẹn như thuở ban đầu nhưng các chư phái tộc làng Phong Lệ vẫn luôn giữ gìn những nét xưa đầy bản sắc văn hóa của dân tộc.

Nhà thờ tiền hiền làng Phong Lệ vinh dự được các cụ Cao Bá Quát, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu đến thăm và tặng các câu liễn đối. Câu đối cụ Cao Bá Quát tặng lúc khánh thành nhà thờ:

*“Sổ bách niên trường hà hồng lưu tích tụ, kim hoa tứ diện
hoàng quang tân cảnh sắc;*

*Thập tam tộc tương an nhận trạch, nông trù sĩ đức, thiên
thu tín mỹ cựu giang sơn¹⁰”.*

Đình làng Phong Lệ cũng trải qua những bước thăng trầm của thời gian, mặc dầu vậy nhưng thời ấy rất vinh dự được các cụ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, mỗi cụ tặng cho đình mỗi câu đối:

Làng Phong Lệ là một trong những địa danh của huyện Hoà vang, là mảnh đất hiền hoà “địa linh nhân kiệt” trải qua bao năm tháng. Thời chống Mỹ là vành đai diệt Mỹ. Qua các thời kỳ kháng chiến, Phong Lệ có hàng nghìn con em lên đường tham gia cứu quốc, trong đó có hàng trăm con em đã hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, làng Phong Lệ có vinh dự tự hào được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cho hàng chục bà mẹ Việt Nam anh hùng của làng.

Trong hoà bình, người dân Phong Lệ với truyền thống vốn có, thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và xây dựng quê hương ngày một hưng thịnh. Trong công cuộc đổi mới và phát triển đất

¹⁰ Vào thời đó chưa thêm Trần nhị Phan, Bùi cho nên câu đối viết “Thập tam tộc” tức Tứ Lê, ngũ Ngô tịnh Phùng, Ông, Nguyễn, Võ.

nước, người dân Phong Lệ luôn cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, học tập và tiếp thu cái mới; nâng cao trình độ dân trí, kiến thức văn hoá, truyền thống ngày càng mở mang, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc hết lòng tri ân các bậc tiền nhân và người có công với nước, đồng thời xây dựng sự đoàn kết, gắn bó giữa 17 chư phái tộc vốn có, luôn là hình ảnh đẹp ở vùng đất này.

3. Miếu

Miếu Thái Giám, được xây dựng sau Thần Nông Đình và Nhà thờ chư phái tộc (Nhà thờ Thái Miếu). Miếu Thái Giám thờ thần Bạch Mã. Đây là vị thần giúp đỡ cho nhân dân sinh sống nghề sông biển. Làng Phong Lệ phía đông giáp biển, một bộ phận cư dân vùng Hóa Khuê Đông, Lỗ Sài, Cẩm Bình, Thủy Lục Tuyên Sơn (ngày nay) trước kia thường đi biển và đi buôn bằng đường sông Cổ Cò vào Hội An và đánh bắt cá sông trên dòng Cẩm Giang Lệ Thủy (sông Cẩm Lệ) và sông Yên nên làng Phong Lệ lập miếu Thái Giám thờ thần Bạch Mã mục đích nhờ thần giúp đỡ cho ngư dân làm ăn được mùa, trong hành nghề sông nước được tai qua, nạn khỏi. Tương truyền thần Bạch Mã do Phật Bồ Tát hóa thân mà thành, được Nhà Nguyễn phong tặng: *Dương uy ngự vũ bảo, chương kiện thuận hòa nhu, hàm Quang, thượng đẳng thần*. Trong kinh nhà Phật, Bạch Mã Thái Giám là Mã Đầu La Sát, do Phật Bồ Tát hóa thân, hình người, đầu ngựa. Theo phái Phật giáo Đại Thừa, vị Bồ Tát này là thần thông quảng đại, nhưng lưỡng

tính. Bạch Mã Thái Giám còn có tên khác là Quan Âm Đại Sĩ hoặc tên Tiêu Điện Đại Sĩ¹¹.

Hằng năm vào tiết tháng 7 (mùa thu), mồng 10 âm lịch, dân chúng sắm lễ vật đến cúng tế tại miếu Thái Giám nhằm cầu mong thần Tiêu Điện – La Sát giúp đỡ cho những người hành nghề sông biển được thuận lợi.

Miếu Thái Giám là một trong các thiết chế văn hóa của làng Phong Lệ. Miếu nhìn về hướng Tây, trước là cánh đồng ruộng lúa, kéo dài giáp với cánh đồng Tây An. Bên phải ngôi miếu có cây trâm trên 100 năm tuổi, tỏa bóng mát rượi. Nơi đây cũng là nơi giới mục đồng thượng tụ tập trên đường làng trước miếu chơi các trò chơi đặc trưng của giới chân trâu, như: chơi u, đánh cây, nhảy dây, vật tay, dây gậy... Nay đường làng Phong Nam đã đổ bê tông, không còn cảnh lầy lội như trước nữa. Đường bê tông chạy ngang qua Miếu Thái Giám rộng 4 mét trẻ em chăn trâu, bò có thể tụ tập đánh đáo, chơi các trò chơi quen thuộc.

4. Các nghi lễ

Hằng năm, làng Phong Lệ theo lệ làng có hai lễ hội “xuân thu nhị kỳ” là tế xuân và tế thu, kèm theo đó có lễ hạ điền bắt đầu cho một vụ mùa mới. Ngoài ra, cứ 3 năm có Rước Mục đồng một lần. Về sau khi chia tách Phong Lệ ra thành nhiều làng xã, lại có làng Giáng Đông tổ chức đấu vật, lễ hội Rước hén ở Đông Bàu. Trong dân gian thường gọi “*Phong Lệ Mục*

¹¹ Trong văn bài cúng đất (tá thổ, khao thổ) của người Việt vùng Hòa Vang, Đà Nẵng có khấn vị thần này là Tiêu Điện Đại Sĩ (tức nam giới), lại cũng khấn Bà La Sát (tức nữ giới). Tức thần lưỡng tính.

đồng, Giáng Đông đấu vật”. Xưa, hai lễ hội này là rất lớn, không chỉ của làng Phong Lệ, Giáng Đông mà còn là lễ hội của cả tổng Thanh Quýt, sau đổi thành Thanh An thời bây giờ. Do vậy tác động của lễ hội đến với các tầng lớp nhân dân có tầm cỡ quy mô, sâu rộng, thu hút đông đảo người tham gia.



Nghi lễ tế Tiên hiền làng Phong Lệ

Trong lễ có phần nghi thức học trò gia lễ (lễ sinh), từ 6 đến 8 thanh niên trai tráng trong làng được cử ra tham gia vào đội tế lễ tại

các đình, nhà thờ chư phái tộc. Trong lễ tế thực hiện đồng bộ bài thái, tất cả chủ bái, phân hiến lễ, ban chấp sự đều theo trình tự bài thái quy định mà tiến hành. Kết thúc bài thái được xem là xong phần lễ mang tính chất tín ngưỡng tâm linh của dân làng. Nay vẫn còn duy trì nhưng đã đơn giản hoá, không cổ lệ như xưa.

Trước 17 chư phái tộc có 13, bài văn tế Tiên hiền làng Phong Lệ viết:

“... Nhâm quý công, Tỵ quý công, Hãnh quý công tam vị tôn linh,

Lê tứ, Ngô ngũ, Phùng, Ông, Nguyễn, Võ thập tam phái tộc liệt tiên tổ tử...

Nhơn sanh hồ tổ,

Vật bốn hồ thiên,

Tổ đức tôn công ngưỡng tài bồi chi ký hậu

Thiên địa nghĩa diệt báo đáp chi nghi.

Tư lai cách phủ giám vi kiến phục nguyên khai tụ,

Hự Lê tứ, Ngô ngũ, tịnh hữu Phùng, Ông, Nguyễn, Võ (dĩ),

Lễ hoàng thập thu hà vân nhưng phiên diễu khắc xương diêu khánh tam thế bách tí như sơn...

Về sau, theo thứ tự các chư phái tộc, làng Phong Lệ khi hành lễ tại nhà thờ làng, để nhớ ơn tất cả 17 vị tiên liệt đã có công khai phá lập làng Phong Lệ, trong bài văn tế phần đầu viết: *Lê tứ, Ngô ngũ, tịnh Phùng, Ông, Nguyễn, Võ, hự Trần nhị, Phan, Bùi.*

Trong buổi lễ tế tiên hiền, một bài xướng nghi tiết lễ cúng nhà thờ hoặc đình thường có thể được xướng như sau:

-Khởi chình cổ (bộ phận chấp kích khởi chiêng trông lên, đầu tiên là trống lệnh nhỏ cầm trên tay, đến chiêng và trống sau cùng, mỗi nhạc khí khởi 3 hồi dài)

-Nhạc sinh tấu nhạc (nhạc cổ bát âm tấu lên bài nghinh thần, thường là điệu Kim tiền)

-Cử soát tế vật (ba vị Chánh và bồi bái kiểm soát lễ vật dâng cúng thần, xem đã đủ các lễ chưa). Lễ, nếu cúng con heo phải có đủ bộ lòng, mỗi thứ một ít và hương đăng, thanh chước, thứ phẩm khác)

-Ế mao huyết (chôn huyết con vật tế thần, nếu có)

-Chấp sự giả các tư kỳ sự (các bộ phận chức việc về vị trí của mình để hành lễ: xướng, ban chấp kích, nhạc cổ, chánh bồi tế, lễ sinh...))

-Tế quan dũ, chấp sự quan, các nghệ quán tẩy sở (chánh, bồi tế chuẩn bị y phục, tư thế hành lễ)

-Quán tẩy (chánh, bồi tế rửa mặt tay)

-Thuế cân (dùng khăn điều móc trên giá sau bình phong đình, lau khô)

-Bồi tế quan tựu vị (hai vị bồi bái về vị trí của mình)

-Tế quan tựu vị (vị chủ bái về vị trí)

-Niệm hương (chánh bái, nhận ba cây hương từ vị lễ sinh đứng nghiêm túc, niệm, vị chánh bái khăn vái danh tánh ba vị chánh, bồi tế và xin thần chấp nhận, đồng ý)

-Thượng hương (người lễ sinh nhận ba cây hương hoặc chén trầm đang cháy từ vị chánh tế, đứng lên chuyển cho vị cao tuổi đứng hầu lễ cắm vào lư hương, hoặc đặt chén trầm lên bàn hương án)

-Nghinh thần cúc cung bái (nhìn thẳng hậu tâm đình, lạy)

-Bái (lạy)

-Hưng(đứng lên)

-Bình thân (đứng lùi sau, xích sang trái một bước chân)

-Hành sơ hiến lễ (lời xướng lễ sinh chuẩn bị thực hiện lượt lễ thứ nhất)

-Nghệ tửu tôn sở (lễ sinh nắm bầu rượu chuẩn bị các động tác rót rượu ra ly, chén)

- Tư tôn giã cử mịch (chén rượu và đĩa)*
- Chước tửu (rót rượu ra ly hoặc chén)*
- (Nghệ thân Thành Hoàng bốn xứ Vườn Lãng ¹²thần)(mời rượu Thần Thành Hoàng bốn xứ bảo an chính trực Phong Lệ xứ. Vị lễ sinh quỳ xuống hai tay dâng chén rượu sang vị chánh bái. Cả ba gian đình đều thực hiện nghi lễ này)*
- Quỳ, tiến tước (vị Chánh và hai bồi bái quỳ xuống vái ba vái, xong chuyển chén rượu sang vị lễ sinh)*
- Hiển tước (vị lễ sinh chuyển chén rượu cho vị lễ sinh phía trong đặt lên bàn hương án đình)*
- Phủ phục (vị chánh, bồi tế quỳ, cúi đầu sát chiếu)*
- Hưng (đứng lên)*
- Bình thân, phục vị (lùi ra sau một bước và đứng nghiêm túc)*
- Độc chúc (xướng truyền chuẩn bị đọc bài văn tế lễ)*
- Nghệ độc chúc vị (vị đọc bài văn vào vị trí chiếu giữa đình)*
- Giai quỳ (tất cả chánh, bồi tế và nghệ nhân đọc văn đều quỳ xuống)*
- Chuyển chúc (chuyển bài văn đến)*
- Độc chúc (đọc văn tế)¹³*
- Phủ phục (chánh, bồi tế quỳ mọp xuống chiếu)*
- Hưng (đứng lên)*
- Bái (lạy)*

¹² Tứ xứ đất nơi đình tọa lạc. Cũng có lẽ vị Tư lễ xướng *Thành Hoàng bốn xứ Phong Lệ thần*”

¹³ Trong lúc đọc bài văn tế, chỉ mỗi trống lịnh điểm nhịp, và trống con của ban nhạc bát âm điểm tiếng trong lúc nghệ nhân đọc lạy hơi mà thôi.

- Hưng (đứng lên)
 - Bình thân, phục vị (đứng lên, lùi một bước bên trái, nghiêm túc)
 - Hành á hiến lễ (xướng truyền chuẩn bị tuần lễ thứ nhì)
 - Nghệ tửu tôn sở (lễ sinh năm bầu rượu chuẩn bị các động tác rót rượu ra ly, chén)
 - Tur tôn già cử mịch (chén rượu và đĩa)
 - Chước tửu (rót rượu ra ly hoặc chén)
 - Quy, tiến trước (vị Chánh và hai bồi bài quy xuống vái ba vái, xong chuyển chén rượu sang vị lễ sinh)
 - Hiến trước (vị lễ sinh chuyển chén rượu cho vị lễ sinh phía trong đặt lên bàn hương án đình)
 - Phủ phục (vị chánh, bồi tế quy, cúi đầu sát chiếu)
- Hưng (đứng lên)
- Bình thân, phục vị (lùi ra sau một bước và đứng nghiêm túc)
 - Hành chung hiến lễ (chuẩn bị tuần lễ thứ ba)¹⁴
 - Âm phúc (các vị chánh, bồi tế chuẩn bị uống rượu thần ban cho)
 - Nghệ âm phúc vị (các vị lễ sinh mang bình rượu, ly (chén) vào nơi hành lễ rót rượu chuyển chuyển cho chánh, bồi tế)
 - Quy (chánh, bồi tế quy xuống)

¹⁴ Trong buổi tế lễ tại đình, chùa miếu đều tiến hành ba lần lễ: sơ hiến lễ, á hiến lễ và chung hiến lễ, có Tư lễ xướng bài thày. Trong gia đình một cuộc giỗ kỵ cũng tiến hành ba lần lễ nhưng không có tư lễ xướng truyền.

- Âm phúc (uống rượu)*
- Phủ phục (phục mọp xuống chiếu, tạ ơn thần)*
- Lễ từ cúc cung, bái (cung tay trước trán lạy)*
- Bình thân (về vị trí ban đầu nghiêm túc)*
- Tiểu khước (các chư phái tộc trong làng vào bái lạy thần)*¹⁵

-*Phản chúc (chuyển bài văn ra trước sân đình, dùng một cái chậu có đựng ít nước sạch và đốt bài văn. Chánh bồi tế đi theo sau)*

-*Điểm trà (rót nước trà vào chén đưa cho chánh, bồi tế dâng lên thần, vị lễ sinh chuyển đặt ly trà lên bàn hương án)*

-*Lễ tất.*¹⁶ *(bái ba bái). Các vị chánh, bồi bái chuyển chỗ bái thần. Xong. Trống chiêng nghe truyền đánh một hồi dài, không lại tiếng nào nữa. Lễ chấm dứt, hoàn tất.*

Vào ngày giỗ tổ Tiên hiền làng Phong Lệ (nay vẫn còn) các chư phái tộc tụ họp về nhà thờ tiến hành lễ tế tưởng nhớ những tiên nhân đã có công khai sinh, phát triển nên làng Phong Lệ. Dẫu rằng nay đã chia làng Phong Lệ thành Phong Lệ Nam và Phong Lệ Bắc (gọi tắt là Phong Nam, Phong Bắc) song cứ đến mùa lễ hội “xuân kỳ, thu phước” và giỗ tiên hiền làng, đại diện các chư phái tộc từ Hoà Thọ (nay) cũng về nhà thờ Phong Lệ dâng hương, thực hiện các nghi thức cổ truyền

¹⁵ Chiêng trống vẫn hành lễ, bát âm vẫn tấu bài nhạc vui mừng.

¹⁶ Nay, ở xứ Quảng có nơi còn xướng khi tế lễ, có nơi không xướng. Xét ra bài xướng dài, thực hiện hết các bước lại phiền phức. Nay có khuynh hướng phục dựng lại các nghi, lễ này.

lên tiền nhân theo một quy trình lễ tế theo thứ tự bài thày như đã trình bày.
